

Thiền sư Thích Tín Nghĩa

Đây là một danh từ rất phổ thông trong chốn thiền môn. Pháp khí là những đồ dùng trong chùa những đồ vật Phật Pháp như chuông mõ, khánh, tang trống, linh, chung cồng, v.v... Pháp phổ c là những y phục dành cho trong nhà chùa, cũng có thể cho hàng Phật tử tại gia những đồ có thể gọi là pháp cụ của Phật. Một số đã có thể khi đi c Phật còn tại thế như Y, Bát, ...

Có một số sau này cho Thiền sư tùy duyên sáng chế ra tùy theo quĩc độ, tùy theo phật giáo tại địa phương: Tích trượng, chuông mõ, khánh, bồng, trống, ... Pháp khí có những cái liên quan đến các pháp Phật giáo, những đồ có những cái dùng thường ngày.

Hầu hết những vật xuất gia hay tại gia tùy theo tông phái khi tụng kinh, bái sám, hành lễ đều ít nhiều có dùng đến những pháp khí nói trên. Và, cũng tùy theo buổi lễ để xác định cho đúng chỗ và đúng điểu của nó. Một bài tán những cúng Phật đồ cồng lên, ta đã thấy những cung điểu thuộc những phường với nhau một cách tuy nhiên điểu. Bài tán là một bài thơ Phật pháp đồ cồng ph theo điểu những thiền. Nếu bài thơ đồ cồng ph đến đ p i những thì đồ cồng g i là tán x p, nếu ph theo điểu những i thì đồ cồng g i là tán r i. Và, khi ta đi vào bồng một tâm hồn thiền h c thì ta ta thấy những âm ba y làm cho cõi lòng ta an nhiên tại tại và cảm thấy thanh thoát. Vì giá trị văn thơ và triết lý của bài thơ đã là cao sâu, một những đồ diển tượng những vật ng thơ y i càng thêm những vật thiền rất là sâu sắc.



Viết về công nghệ Phật giáo, Nhạc sĩ Nguyễn Hữu Ba đã nói: “Trong âm nhạc già đời, chúng ta nghe có điệu như máu sôi, như lửa cháy, như quạ khóc thét trên sân, có khúc như say đắm dâm ô, như reo mừng múa hát. Thốt ra, âm nhạc từng bừng bừng cho công nhân vui buồn từng điệu công nhân điệu điệu vui vẻ.”

Trái lại, âm nhạc nhà Phật là phần lớn nhạc già đời sống an lạc, đem bớt tâm hồn bình đẳng thanh khiết công nhân đời sống giải thoát khổ đau ... Nội tâm thì bình tĩnh hoan vui, ngoài công nhân thì thanh thoát hồn nhiên, nên âm nhạc nhà Phật đã thấm nhuần tinh thần thoát tục siêu phàm, không vướng gì gọi là u sầu phiến loạn.

đây có những nét như c lung linh như ngọc, uyển chuyển như khói trầm, như nhàng như hồng sen, có những nét như c vàng, huy hoàng như vàng son đi n tháp, có những nét như c trầm hùng và t a r ng như chuông chi u, oai nghiêm như đi c ...

V y thì, mu n dùng l như c Ph t giáo đ u c n như ng pháp khí như sau:

1. Chuông:

Xu t x : Theo như trong kinh Tăng nh t a hàm có chép: M i khi nghe tiếng chuông ngân lên, thì các hình ph t trong các ác đ o t m th i đ ng ngh , chúng sanh nào đang ch u như ng hình ph t y cũng đ c t m th i an vui. Nghe đ c tiếng chuông là phi n não như v i đi.

Trong chuy n C m thông cũng có chép:

.. "Ngày x a khi đ c Ph t Câu l u Tôn t i vi n Tu đa La x Càng trúc đã có t o m t qu chuông b ng đá xanh, th ng vào lúc m t tr i v a m c khi tiếng chuông y v a ngân lên thì trong ánh m t tr i y có các v Hóa Ph t hi n ra, đi n nói 12 b kinh, làm cho ng i nghe đ c ch ng thánh qu không k xi t";

Trong b kinh Kim cang Chí cũng có chép: "Vua Hi u cao Hoàng đ đ i nhà Đ ng như n vì nghe l i sàm t u c a T ng t Kh u mà gi t l m k t i trung tên là Hòa Châu, nên khi ch t đ a vào đ a ng c. M t hôm có m t ng i b b o t (ch t thành linh) th n h n đi l c vào đ a ng c y, th y m t t i nhân đang b gông cùm, b k m k p đánh đ p r t là kh s , h i ra thì m i bi t là vua Hi u Cao nhà Đ ng. Vua g i v b o t y vào mà nói r ng: Như ng i tr l i đ ng th nói giúp v i h u chúa r ng: Hãy vì ta mà đúc chuông cúng đ ng và làm các vi c t thi n. Khi tr l i đ ng th , ng i b o t li n đ n y t ki n h u chúa đ chuy n l i nh n như c a vua Hi u Cao. Nghe v y, h u chúa li n thân hành đ n chùa Thanh L ng phát nguy n đúc m t qu chuông đ cúng đ ng và c u siêu cho Hi u Cao Hoàng đ . (Tích n y trong truy n Bách Tr ng thanh quy, trang 68 và 87). Đ ng th i trong kinh Lăng nghiêm, đ c Ph t cũng b o ngài La h u La đánh chuông đ gi ng cái lý cho Tôn gi A Nan nghe. Vì th chúng ta có th hi u r ng chuông đã có t th i đ c Ph t còn t i th .

Các loại chuông: Chuông lớn thường gọi là Đùi chuông chung, chuông nhỏ thì gọi là Bèo chuông, chuông gia trì cũng có loại lớn, vừa và nhỏ. Tất cả đều gọi chung một tiếng là chuông.

a. Đùi chuông chung: Cũng có tên là chuông U minh (mười m, mười m t), thường được đánh vào lúc đi ngủ hay lúc giờ sáng.

Tiếng chuông đánh đi ngủ là nhắc nhở cho mọi người biết rằng cần vô thức đi ngủ vì chúng ta không há h, rất ngon ngủi, nhanh chóng. Đánh vào lúc ban sáng là nhắc nhở cho mọi người cố gắng tinh thần tu hành đi mau vượt thoát ra khỏi cảnh đau khổ, không vướng mắc cảnh trần và dằng ra khỏi luân hồi sanh tử. Thông thường mọi người thường chuông nhỏ thì là phải 108 tiếng vì mục đích là khuyến khích niệm vô lượng mà đức Phật là con người cố gắng đốn 108 phiền não căn bản. Mọi người thường chuông được c lên nhắc nhở câu kệ chú nguyện theo tiếng chuông. Kể chuông như sau:

Nguyện thành siêu pháp giới,

Thiệt vi u ám tối giai văn,

Văn trên thanh tịnh chơn viên thông,

Nhất thể chúng sanh thành chánh giác.

Nghĩa là:

Nguyện tiếng chuông ngân vang khắp pháp giới,

Núi Thiệt vì mạt mạt kia cũng đều được nghe,

Căn cảnh thanh tịnh chơn bực viên thông,

Hết thảy chúng sanh thành bực chánh giác.

Đừng thối, nguyện cho tất cả loài hữu tình lòng nghe tiếng chuông, rời duyên theo tiếng chuông này cũng bực câu k:

Vấn chung thanh phiến não khinh,

Trí huệ trỗi ng bđ sanh,

Ly dĩa ngọc xuất hĩa khanh,

Nguyện thành Phật đđ chúng sanh.

Án, già ra đđ da tóa ha (3 lần)

Nghĩa là:

Nghe tiếng chuông, phiền não liền nhả,

Trí huệ thêm lớn, sanh tâm bồ đề

Ra khỏi địa ngục, vượt thoát hầm lửa,

Nguyện thành Phật, đời chúng sanh.

Án, già ra đời da tóa ha (3 lần)

Tiếng chuông sấm hay tiếng chuông chiêng không những chỉ để cảnh tỉnh cõi đời mà còn hướng dẫn cho cõi âm nữa. Vì thế mà thường gọi là chuông U minh.

b. Bồ o chúng: Cũng gọi là chuông Tăng đàn, tức là chuông nhỏ, chỉ một người xách lên để gõ. Hình thái cũng như chuông U minh, để treo ở trai đàn, dùng để báo tin trong lúc họp chầu Tăng biết vào nghe lúc: Nhóm chúng, thọ trai, giờ chấp tác, giờ bái sám trong các thời vị.

c. Chuông gia trì: Loại chuông nhỏ dùng để đánh lên trong lúc tụng kinh bái sám. Tiếng chuông gia trì để nhắc nhở khi tụng kinh hay báo hiệu sự sắp hết giờ tụng kinh đang tụng hay câu niệm Phật. Cũng thường đánh lên khi lạy Phật một mình. Còn khi đồng nguyện thì để báo hiệu cùng lạy cho khắp nhau. Chuông gia trì có ba loại lớn, vừa và nhỏ. Chuông vừa và nhỏ thì thường dùng để niệm Phật tại gia dùng niệm u hồn và cũng dùng như chuông Tăng.

2. Trống:

Xuất xứ: Trong kinh Kim Quang Minh có chép: Một hôm ngài Tỳ Ni Đa Lưu Chi đi ngang qua một ngôi chùa ở gần thành Lạc Dương. Thấy trong chùa có một người đàn ông đang ngồi thiền trên tòa sen. Ngài liền đi vào chùa và nghe pháp. Lúc bấy giờ có một người đàn ông tên Bà la môn đang cầm dùi trống đánh mạnh vào chiêng trống vàng, tiếng trống vang rền nghe như tiếng kinh sám hối. Khi đã xong, ngài Tỳ Ni Đa Lưu Chi liền đem chuông gõ vào chuông và nói: “Thầy ơi, xin đừng đánh trống nữa, hãy nghe tiếng chuông của Phật.”

Trong kinh Lăng nghiêm cũng có chép:

Đức Phật dạy:

- Này A Nan, ngài hãy nghe tiếng trống của Phật khi đi ngang qua chùa, nghe tiếng chuông của Phật khi nhóm họp để chúng trong tinh xá Kỳ Đà hoàn nguyện. Tiếng trống của Phật và tiếng chuông của Phật sau này tiếp nhau. Vậy, theo ý ông, ngài khi ông nghe được các tiếng trống và tiếng chuông là vì nó tiếp bay đến bên tai ông, hay tai ông đến nơi chỗ phát tiếng trống? (Đây là lúc đức Phật hỏi cái Tâm cho ngài A Nan)

Có hai loại trống:

a. Trống lớn: Dùng để đánh vào chuông để tập hợp. Trống lớn thường gọi là trống Bát nhã. Đánh trống lớn có bài kệ của nó. Tiếng trống của Phật và tiếng chuông của Phật cho chánh pháp. Chúng sanh khi nghe tiếng trống của Phật và tiếng chuông của Phật thì liền chỗi dậy và cũng như đó mà đức Phật liền thoát vào cõi涅槃. Vì khi nghe được tiếng trống của Phật và tiếng chuông của Phật, tùy loại chúng sanh mà thâm nhập tiếng trống và có thể nhập vào tiếng trống mà cảm nhận được dung nhan của đức Phật. Tiếng trống của Phật đánh lên để cung thỉnh Phật đấng Bồ tát. Cho nên có bài kệ như sau:

Bát nhã hỡi,

Thầy Phật thầy của chúng,

Đi chúng đồng văn,

Bát nhã âm,

Phổ nguyện pháp giới,

Đồng hộ tình,

Nhập Bát nhã,

Ba la mốt môn...

Nghĩa là:

Hội Bát nhã,

Thành Phật lên (giống) đồng,

Đi chúng đồng (đồng) nghe:

Âm Bát nhã,

Vang khắp pháp giới,

Chúng hữu tình (vân vân),

(Đầu nhập) lý Bát nhã,

Chúng nhập (pháp môn) Ba la mật.

b. Trùng tiếu: Dùng để đánh muỗi khi tụng kinh nên cũng được gọi là trùng kinh (tụng bình dân thường gọi là trùng cốm). Ngoài việc dùng để đánh muỗi tụng kinh hàng ngày vào hai thời công phu khuya và chiều trong các thời khóa, trùng tiếu còn dùng để hòa âm trong các nhạc Phật giáo và các nhạc Việt nam. Trùng tiếu thì khó đánh hơn trùng lòn. Bài học để xem hướng cho trùng tiếu rất nhiều, phức tạp và khó học. Có rất nhiều thứ muỗi khác nhau như là muỗi thì n khi tụng kinh, muỗi thì ai khi dùng vào đám táng, muỗi thì côn, ... Nếu không học thì không thể xem được.

3. Mỡ:

Xuất xứ: Trong bộ sách Súc tu Thanh quy Pháp khí và chúng ngữ có chép rằng:

Lời Tụng tụng: Loài cá luôn thọc không bao giờ ngủ và rất hoạt động. Vì vậy khi tụng kinh pháp khí này thì mỡ được chạm theo hình con cá với thâm ý là muốn thọc tỉnh con người cũng như chúng hữu tình đang còn trong mê muội, u mê.

Trong sách Chính ngôn đời nhà Đường thì chép: Có một người bị bệnh và một người Trùng trùng lão Thiên trúc rằng: Tôi sao các Tăng xá đều có treo mỡ?

Vũ trụ ng lão tr i:

- Vì đ c nh tĩnh chúng Tăng t i Tăng xá hay t vi n y.

Ng i b ch y h i t i p:

Nh ng t i sao l i t c hình con cá?

Vũ Tr ng lão không tr i đ c. Ng i b ch y l i h i ngài H Bi n và đ c ngài gi i thích r ng:

- Loài cá là loài không bao gi nh m m t và thích ho t đ ng. Cũng vì mu n cho ng i tu hành ngày đêm quên ng , g ng công tu t p, mau ch ng đ o qu nên treo và đánh m và cái m đ c t c hình con cá v y.

Mỗ có hai lo i: Mỗ có hình b u đ c và mỗ có hình đ i u. T t c đ u đ c t c theo hình con cá.

- Mỗ hình hình b u đ c đ t ng kinh, đ i u khi n bu i l khi đông ng i t ng đ c nh p nhàng.

- Mỗ hình đ i u thì treo ở nhà trừ dùng đ báo hi u khi th trai hay ch p tác. Ngoài ra, cũng có m t lo i mỗ r t nh dùng đ ch Tăng đi kinh hành g i là nhi u Ph t. Ti ng mỗ v a gi a cho bu i l đ c trang nghiêm l i v a gi cho tâm h n khi tán lo i trong khi hành l . B i th , ng i đánh m g i là Duy t chúng, tên n y g i là làm đ p lòng m i ng i trong lúc cùng t ng kinh v i nhau. Đánh m ph i h c h n hoi, đ i u và đ c cú pháp c a nó.

Ý Nghĩa Vũ Chuông Mỗ:

a. Trừ c đánh ba tiếng (tiên khế tam),

b. Kế nhập bực (thiền lộ thuyết),

c. Tiếp đánh ba (tinh đở tam),

d. Giã đánh mồi (trung đở thuyết)

e. Sau cùng đở bực (hộ u di thuyết).

- **Trừ c đánh ba tiếng:** Nghĩa là chúng sanh do ba nghiệp thân khẩu ý tạo tác mồi đi u ác, sau sả đả vào trong ba đở tiếng đở: đả ác, ngũ quả và súc sanh. Nghiệp cũng có nghĩa là cớ trừ ba đở c: tham, sân và si đở vượt lên ba giới thoát đở chớ ng đở c ba đở c: Pháp thân, Bát nhã thân và Giới thoát thân. (Phổ niệm y giới ng lữ t đi nên không mỷ ai biệt đở n. Chúng tôi viết ra đây cho đủ, vì là tài liệu tham khảo).

- **Kế tiếp nhập bực tiếng:** Đây là tiêu biểu cho thuyết chi tởi. Vô thân thì có ba: Sát, đở o và dâm. Vô khẩu thì có bực: Vô ngữ ngôn, đở ng, lữ ng thi t và ác khẩu. Sau khi đã đo n trừ đở c bực tởi nêu trên li n chớ ng đở c thuyết giác chi: Trừ pháp, tinh tởn, hỷ, trỷ, xả, đở nh và niệm m.

- **Tiếp đánh ba tiếng:** Là phát nguyện n tu tam hỷ c tởc là giới, đở nh và hộ đở quy t chớ ng cho đở c ba thỏ a: Thanh văn, Duyên giác và Bồ tát.

- **Giã đánh mồi tiếng:** Đó là tiêu trừ mồi đi u ác gổ m thuyết chi tởi cớ ng thêm cớ a ý có ba là mồi i. Tở đó, chớ ng nhập mồi i thân gổ m: Bồ đở thân, nguyện n thân, hóa thân, lữ c thân, trang nghiêm thân, oai thỏ thân, ý sanh thân, phớ c thân, pháp thân và trí huỷ thân. (Phổ niệm y, sau niệm y giới n lữ t đi, không mỷ ai dùng đở n và cũng không mỷ ai biệt đở ý đở n. Chúng tôi viết ra đây là vì tài liệu nghiên cứu, phớ i làm cho đở y đở mà thôi).

- **Sau cùng dật bôn:** Túc là đũa tiêu trừ bôn tống: Sanh, lão, bệnh và tử đũa chuyển thành bôn trí:

- **Thành số tác trí:** Tiễn ngũ thức (nhãn, nhĩ, tị, thị và thân),

- **Diệu quan sát trí:** Đũa lược ý thức,

- **Bình đũa tánh trí:** Đũa thốt Múc na thức,

- **Đũa viên càn trí:** Đũa bát A lữ da thức.

4. Bông và Khánh:

Xuất xứ: Bông và Khánh là một trong những pháp khí của nhà Phật. Hai loại này được thờ cúng dùng trong ngày các chùa, viện. Trước đây dùng làm hiên u lữ như báo tin giờ học, tụng kinh, thổi trai, chấp tác của chổ Tăng.

Trong sách Tụng khí Tiêu, quyển 18 có chép rằng: Ngài Vân Chơn nói:

- Hình của Bông giống như đám mây, nên người ta cũng gọi là Vân bông. Còn theo lão Hòa thượng Túc Sĩ có thuật chuyện vua Tống thái Tông cho rằng: Tiễn tụng hay làm gì thì mình người, nên thay vì dùng tụng, Tống thái Tông cho ra thổi khánh. Loại khánh này cũng được gọi là Vân bông. Vì hình của nó cũng giống như hình cánh dơi trên bông lữ nên bông một có đám mây qua lữ, loại này có người gọi là chinh (chiêng).

Cách chế tác và sử dụng: Theo ngài Vân Chơn trong sách Tụng khí tiêu thì hình của Bông giống như đám mây và làm bông dùng thổi. Những nay các tông lâm, tị viện thì dùng bông gỗ và được chạm trổ theo hình bán kính bát giác. Bông cao khoảng chừng bốn tấc tây, rỗng chỗng

hai tặc tây. Bồ ng cũng đợc thay thế cho trng trong nhng trng ng h p nói trên, đng th i cũng dùng đợc phân phát đợc cúng đợc ng hay phân x vi c c a chúng Tăng... Bồ ng và Khánh trong lu t đợc g i là Ki n Chùy Thành. Cách dùng không khác nhau, ch khác nhau v hình t ng và v t li u ch tác. Ngày x a thi t và đng còn khan hi m nên ch t đã dùng bồ ng đá c m th ch. Ti ng kêu cũng t ng t nh khánh đng, nhng nh ti ng h n. Ngày nay các tông lâm i ít dùng khánh mà ch dùng bồ ng nhi u h n.

5. Y: Tàu đợc là Ca sa, t c ho i s c, b t chính s c. Dùng đợc ch Tăng m c. Nhng v chính th c đợc có Y k t khi đã th gi i lu t. Sau khi đợc gi i, gi i s quy n th a Ph t T đợc truy n Y cho gi i t . Y cũng có nhi u b c khác nhau.

Ng i th m i gi i t c là Sa di th p gi i: V n y b t đợc u chính th c đợc c trong hàng ngũ xu t gia. Nhng v th m i gi i thì ch đợc m c (mang) chi c M ng Y là nhng chi c y không có m ng (mi ng) nh , t c là Y không có Đ i u. Khi m c M ng y có bài k và chú nh sau:

Đ i tai gi i thoát ph c

Vô t ng ph c đ i n y,

Phi ph ng ch gi i h nh,

Qu ng đợc ch qu n sanh.

Nghĩa là:

L n thay áo gi i thoát,

Là ruộng pháp không trống,

Một kính đúng gọi là hình,

Rừng đẽo hình chúng sanh.

Nam Mô Ca Sa Tràng Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lần)

Vật thể có tác dụng cũng gọi là Thọ thọ gọi hay Đẳng gọi, đức một nhân chi có nhân nhân vương, thọ gọi là Đẳng u y. Y này có ba loại khác nhau như sau:

- Áo một ngoài gọi là Tăng già lê,

- Áo một gọi là Uất đà la tăng,

- Áo một trong, áo lót gọi là An đà hình.

Chiếc áo Tăng già lê cũng có các bộ khác nhau như :

Ngũ đẳng u y, Thọ đẳng u y và Đẳng u y

a. Chiếc y có năm nhân thì gọi là Ngũ đẳng u. Khi một chiếc y này thì đức bài kệ chú và phát nguyện như sau:

Thiền tại giờ i thoát pháp,

Vô thường pháp pháp dĩ n y,

Ngã kim dĩ nh dĩ i th,

Thiền thiền bất xử lý.

Án, tất đà da tóa ha (3 lần).

Nghĩa là:

Lành thay áo giờ i thoát,

Áo ruộng pháp pháp vô thường,

Nay con dĩ u dĩ i nh,

Đĩ dĩ i không lìa b.

Án, tít đà da tóa ha (3 l n)

b. Chi c y có b y mi ng thì g i là Th t đi u. Khi m c chi c y n y cũng đ c k chú và phát nguy n:

Thi n tai gi i thoát ph c,

Vô th ng ph c đi n y,

Ngã kim đ nh đ i th ,

Th th th ng đ c phi.

Án, đ ba đ ba tóa ha (3 l n)

Nghĩa là:

Lành thay áo gi i thoát,

Áo ru ng ph c vô th ng,

Nay con đ u đ i nh n,

Đôi đôi thỉnh thoảng có mặt.

Án, đôi ba đôi ba tòa ha (3 lần)

- Chiếu y từ 9 miêng trở lên 25 miêng thì gọi là Đôi y. Đôi y cũng có ba bậc:

- Chiếu Y có 9 miêng, 11 miêng, 13 miêng thì gọi là Hạ Đôi y,

- Chiếu Y có 15 miêng, 17 miêng, 19 miêng thì gọi là Trung Đôi y,

- Chiếu Y có 21 miêng, 23 miêng, 25 miêng thì gọi là Thượng Đôi y.

Khi mặc (trong thiến môn thì gọi là đũa) ba bậc Đôi y trên đây cũng được kể, chú và phát nguyện như nhau, dũa này:

Thiến tại gọi là thoát phỉ,

Vô thường phỉ c đũa n y,

Phỉ ng trì Nhị Lai mêng,

Quảng đũa chũa chúng sanh.

Án, ma ha bà ba tra tít đố tóa ha (3 lần)

Nghĩa là:

Lành thay áo giời thoát,

Áo ruồng phồng vô thũng,

Vâng giở Nhở Lai mừng,

Rồng đở hốt quởn sanh.

Án, ma ha bà ba tra tít đố tóa ha (3 lần)

Những chi tiết y nghĩa đã có thể tìm thấy ở các Phở t. Chi tiết ưu tiên được cúng dường cho chổ Tăng là chi tiết của bà Di mẫu của đức Phở t (tức là bà Tở kheo ni đức ưu tiên tên Kỉu Đàm Di).

Ý của chổ Tăng được ghi rõ tên: Hở i nỏp phở c, Hở i sỏ c phở c, Pháp phở c, Pháp y, ỏng pháp diỏu phở c, Liên hoa phở c, Giỏ i thoát phở c, Giỏ i thoát tràng tở ỏng phở c, Xuỏ t thỏ phở c, Ly trỏn phở c, Vô cỏ u phở c, ... Nói chung là Ca sa tràng Nhỏ Lai, nghĩa là áo của chổ Phở t, chính là lòng nhu hòa nhỏn nhỏ c nhỏ trong kinh Pháp hoa đã đỏ y.

6. Bát:

Xuất xứ: Trong kinh Phất bôn hinh có nói: Khi đức Phất còn tại thế, có hai thòng gia là Đly phú bà và Bly ca đư đư phía bắc n đ; hai vị này, một hôm đem sà cúng đng đc Phất, nhng đc Phất không có đ đng. Lúc bly gi có bôn v thiên vng đm bôn cái bát bng vàng đn dâng cúng đc Phất đ đng sà, ngài không nhn. Bôn v thiên vng y lli tr v đm bôn cái bát khác bng nhng th quý: ngc, ngà, xa c, ... đ dâng cúng đc Phất, ngài cũng không nhn. Sau cùng bôn v y đm dâng cúng bôn cái bát khác bng đá, đc Phất r t hoan h.

Ý nghĩa: Ch Bát, ti ng ph n gi là Bát đa la, Tàu đ ch là ng l ng khí. Nghĩa là đ dùng đ ch a đ ng các th c ph m ch đ v a s c ăn cho m t ng i.

Bình bát ch đ đc làm bng đá, bng sành, bng đ t sét nung th t chín r i tráng men bên trong cho kh i r n c, ch không đ đc làm bng vàng b c hay t t c nhng kim khí quý, ... N u dùng bng kim khí quý thì không đng ph m hnh c a b c xu t gia. Các v đ đã phát tâm xu t gia t c là t p hnh x b t t c, k c thân m ng n u c n và đng v i chánh pháp, nghĩa là x phú c u b n, x thân c u đ o.

Đc bi t bình bát không nên làm bng g, vì đây là lo i bát c a Bà la môn đã th ng dùng.

Đ các n c Ti u th a Ph t giáo, ch Tăng th ng đi kh t th c nên th ng dùng bình bát. Các n c theo Đ i th a Ph t giáo thì không đi kh t th c nên ch dùng bình bát trong ba tháng an c ki t h, có n i còn ba tháng ki t đng n a; đng th i, th nh th ng có quý thí ch phát tâm cúng đng trai tăng thì cũng dùng bình bát đ cúng Ph t tr c khi th trai. Sau khi các v đ đc gi i, ch gi i s trao truy n bình bát và b t đư trì bình t đó. M i khi dùng bình bát, tâm th ng ni m:

Thi n tại Bát đa la,

Nh lai ng l ng khí,

Pháp trì dĩ từ thân,

Trở lại pháp trí huệ mầu.

Án, chớ rời chớ rời pháp nhứt ra hàng pháp n tra (3 lần)

Nghĩa là:

Lành thay bát đa la,

pháp pháp khí của Phật,

Vâng giữ đấng tu thân,

Nuôi lớn thân và trí,

Án, chớ rời chớ rời pháp nhứt ra hàng pháp n tra (3 lần)

Mỗi lần đi khất thực, tay nâng bình bát đang còn trống không, đấng Phật dạy đức của ngài không phải n mu, không lo lắng mà phải an tâm và thối m nguy:

Như c ki n không bát,

Đ ng nguy n chúng sanh,

C u cánh thanh t nh,

Không vô phi n nã.

Nghĩa là:

N u th y bát không,

Xin nguy n chúng sanh,

R t ráo thanh t nh,

Tr ng không phi n nã.

Và, sau đó thí ch đã cúng d ng ph m v t đ y đ , th m nguy n ti p nh sau:

Như c ki n mãn bát,

Đúng ngụy n chúng sanh,

Các túc th nh mẫn,

Nh t th thi n pháp.

Nghĩa là:

N u th y bát đ y,

Xin ngụy n chúng sanh,

Ch a đ ng đ y đ ,

T t c pháp lành.

M i i n dùng bình bát tr c và sau khi kh t th c hay tr c và sau khi th trai do tín ch cúng đ ng đ u ph i lau chùi s ch s . Th nh t là bát ph i s ch s đ ch a đ ng ph m v t dâng cúng Tam b o, k đ n la mình dùng; th hai là sau khi dùng xong cũng ph i r a s ch, lau khô đ c t gi cho h p v sinh, cũng th m ni m bài k t y bát nh sau:

T y bát:

Dĩ thđ tđy bát thđy,

Nhđ thiên cam lđ vđ,

Thđ đđ chđ quđ thđ nđ,

Tđ tđ giai hođ ch bđ o mđn

Án, ma hđ u ra tđ tđ tđa ha (3 lđ nđ)

Nghĩa là:

Rđ a bát:

Lđy nđđ c rđ a bát nđy,

Nhđ nđđ c vđ nđđ c cam lđ

Đem cho các quđ thđ nđ,

Đđđ c no đđ tđ tđ cđ.

Án, ma hū ra tū tóa ha (3 lūn)

Cũng như trên, mỗi khi rùa bình bát hoặc là nhận phước vật thì cũng phải mở ra; mỗi lần mở ra như vậy, cũng thêm đức câu kệ chú như sau:

Trì n bát:

Như lai 1000 ng khí,

Ngã kim đức phu trì n,

Nguyện cúng nhứt thế chúng,

Đệ tam luân không tịch

Án, tū ma ma ni tóa ha (3 lūn)

Nghĩa là:

Mở bát:

Ông là ông khí của Phật,

Con nay được gọi là,

Ngay cùng với mọi người,

Ba ông đều là ông.

Án, tam ma ni tô ha (3 lần)

7. Tích trạch:

Xuất xứ: Theo kinh Tích trạch có chép: Nay các Tỳ Kheo, các người nên thọ trì tích trạch, vì rằng tích trạch là một pháp khí mà ở đời các Nhị Lai đã có thọ trì.

Ý nghĩa: Tiếng Phạn gọi là Khiết khí la. Tàu dịch là Tích trạch, tức là cái gậy của các vị Tỳ Kheo dùng để đi đàng hay đi khất thực.

Tích trạch còn có tên là Địch trạch, nghĩa là chiêng gậy trí huệ và đức độ này mà người xuất gia học đạo gọi thoát được vòng trần và hàng độn quần chúng gọi thoát. Trong kinh Tích trạch có chép:

Ngài Ca Diếp bạch Phật:

Bạch đức Thế Tôn, thế nào gọi là tích trạch? Đức Phật dạy các ý nghĩa sau đây:

- Tích có nghĩa là Khinh, có nghĩa là nhẹ chiêng gõy để c hnh và trí tuệ ngy mà phi n não để c nh đi và s m ra kh i c nh sanh t luân h i.

- Tích cũng có nghĩa là Minh, nghĩa là để c trí hu sáng su t, là h t kh não.

Để c kính c a chi c tích tr ng thì v a để cho vòng tay c a ng i x d ng. Cũng còn để c g i v i nh ng tên: Th nh tr ng hay Minh tr ng. Vì, trong khi để n nhà ai, v sa môn c n gõ tích tr ng xu ng để t để ng i trong nhà bi t. Trên để u tích tr ng có b n cái g ng và 12 cái vòng. Đó là bi u t ng cho t di u để và th p nh nh n duyên., bu c các t kheo luôn luôn ph i nh nghĩ, luôn luôn ph i th c hành. Ngoài ra còn có lo i tích tr ng trên để u ch có hai cái vòng và sáu cái khâu, thì nó t ng tr ng cho ch n để , t c để và l c để . Tích tr ng ngy do để c Ph t Ca Di p ch ra. T t c hai lo i tích tr ng y để u không cao quá để u ng i.

Các tích tr ng c a Bà la môn thì có b y m t và có ba b c: s , trung và th ng. Theo phái Bà la môn thì cái gì cũng t trong s b y: * B y b c tu, b y qu để c, b y s c linh.

B y b c tu g m:

- Tu t i gia,

- Tu vái các th n thánh thông th ng,

- Tu bi t bi n hóa,

- Tu bi t th n bi n, linh thiêng,

- Tu cõn thõn thánh, không mõi c quõn áo,

- Tu thiõn đõnh,

- Tu bõi c thõn õng, làm thõy cõ các phép tu trên, là vì nõi gõt đõi diõn cho đõi c Phõ m thiên.

**Ngày xõa õ õn đõ, hõ thõn õng quan trõng con sõ bõ y, hõ cho là huyõn vi đõn võ i con ngõ õ i.
Cái gì hõ cũng dùng và nghĩ đõn sõ bõ y nhõ :**

- Bõ y võ tiên (Sapta-Rchirs),

- Bõ y cõnh tiên (Sapta-Poura),

- Bõ y hõn đõo tiên (Sapta-Douita),

- Bõ y biõn (Sapta-Samudra),

- Bõ y sông linh (Sapta- Nady),

- Bõ y núi linh (Sapta-Pariatta),

- Bõ y chõng (Sapta-Coula),

- Bảy cõi nh giới i t h đ n th ng (Sapta-Loca),

- Bảy loa i g m c tr i đ t th n thánh nh : Jyus, Naranari, Viradji, Brahma, Vischnou-Siva

Riêng trong Ph t giáo, ngài Đ a T ng V ng B Tát đã dùng tích tr ng đ đi vào đ a ng c h ng đ n cho th p loa i chúng sanh đang b đ a trong các c i y đ c hi u rõ chánh pháp, đ c gi i thoát lên các c nh gi i sung s ng h n hay tr c ch đ n c nh giác ng thành Ph t. M i khi ngài vào trong đ a ng c, ngài dùng tích tr ng gõ xu ng đ t thì các c a ng c đ c m ra, cho nên trong kinh có dạy: Ch n khai đ a ng c chỉ môn.

Nh ng v sau khi đã đ c gi i, li n đ c th a truy n tích tr ng. Trong khi nh n lãnh, các v gi i t th m ni m k chú sau đây:

Thi n tai khi t la,

Trí hu công đ c b n,

Nh pháp th trì gi ,

Siêu đ ng ni t bàn ng n.

Án, na l t th , na l t th , na l t tra, bát đ , na l t đ , na đ bát n h ng ph n tra (3 l n)

Nghĩa là:

Lành thay chi c tích tr ng,

G c công đ c, trí hu ,

Thà trì ch chánh pháp,

S m lên b ni t bàn.

Án, na l t th , na l t th , na l t tra, bát đ , na l t đ , na đ bát n h ng ph n tra (3 l n)

Trên đây là k nh n tích tr ng. Còn khi dùng đ n thì câu chú y nh v y, nh ng câu k thì nh sau:

Ch p trì tích tr ng,

Đ ng nguy n chúng sanh,

Thi t đ i thí h i,

Th nh thi t đ o.

Nghĩa là:

Cám ơn ngài tích tráp ngài,

Xin nguyện chúng sanh,

Thiệt đời hạnh phúc,

Chào đời hạnh phúc.

8. Đây là pháp:

Xuất xứ: Ngày khi đức Phật thành đạo quỳ, ngài dùng huân nhãn, xem thấy trong pháp có vô số vi trùng (cũng là chúng sanh), ngài liền truy vấn đấng cho hàng đời, nhất là hàng xuất gia đấng phải có một cái túi đựng vải để là pháp của đức Phật khi xuất gia.

Định nghĩa: Đức Phật là đức tối bi. Đức Phật tôn trọng mạng sống. Vì khi xuất gia pháp mà không dùng đây là pháp của đức Phật thì mạng sống phải bị ăn thịt chúng sanh. Chúng sanh đức Phật tôn trọng, trên tất cả các loài nham thạch, loài động vật, dẫu là đức Phật các loài có chân, không chân hay có cánh, không cánh đức Phật gìn giữ, bảo vệ mà không nên sát hại.

Bởi thế cho nên, hàng xuất gia phải dùng những vật thể không liên hệ đến mạng sống của chúng sanh. Một khi đã phát tâm xuất gia, đã đức Phật thì cần phải có đây là pháp của đức Phật. Tài sản là lòng thanh tịnh. Khi nhàn thì thanh tịnh:

Thiền tại là thanh tịnh,

Hành sanh hành tỳ c,

Xuất nhập thối ng đĩ dng,

Pháp ng h p B tất đĩ o.

Án, ph t t ba ra ma ni tóa ha (3 n)

Nghĩa là:

Lành thay đĩ c n c,

V t b o tr m ng s ng,

Ra vào th ng dùng đĩ n,

M i h p đĩ o B đĩ .

Án, ph t t ba ra ma ni tóa ha (3 n)

9. Ng a C :

Ngã a tặc là nãm. Dùng cữ dùng đũa ngã i nãm. Quý vị xuất gia thính pháp dùng hàng ngày cho nên trong luật Trừng hàng gọi là Nhứt đũa.

Ngày xưa khi đức Phật còn tại thế, chư Tăng sống không lập chùa, viện, tịnh thất như ngày nay. Trong tay chư có bình bát, ba chi cữ, một tích trượng, một đũa lóc nấc và một ngã a cữ mà thôi. Đi đâu mang tất cả những pháp phẩm ấy theo bên mình.

Ngày nay chư Tăng có chùa, có tông lâm, có Phật học viện, có tu viện, tịnh thất, ... nên ít dùng đũa ngã a cữ và tích trượng trừ khi thỉnh đàn tràng cúng giãi và trao giãi cho giãi thì phát tâm dâng đàn cúng giãi pháp đồ tu. Ngã a cữ cũng được dùng trong lúc dâng đàn chơn tịnh, những đức gọi là tĩa a cữ chư không gọi ngã a cữ như trong luật tiểu. Khi dùng ngã a cữ thì thềm nguyện câu kệ và chú như sau:

Ngã a cũ ni sữ đàn,

Trượng dùng tâm miêu tánh,

Trình khai đặng thánh đũa,

Pháp trì Nhứt Lai mũa.

Án, a mốt lốt đũa hàng phẫn tra (3 lần)

Nghĩa là:

Ngũ a c (tên) ni s đàn,

Nuôi l n lúa tâm tánh,

M ra lên đ t thánh,

Ph ng gi m ng Nh Lai,

Án, a m t l t đ h ng ph n tra (3 l n)

Trên đây là những pháp khí và pháp c có từ thời đức Phật đã được t t th a truy n cho đ n ngày nay. Những gì đ c vi t ra trong bài n y hoàn toàn g n nh ch dành riêng cho hàng xu t gia, những ph i c n c u gi i pháp, có th gi i và đã đ c gi i. Và tùy theo gi i mà th đ ng khác nhau nh : Y, Bát, Tích tr ng và Ngũ a c , Ngoài ra, những pháp khí khác thì nh ng v t n xu t gia và Phật t t i gia đ u có th dùng đ c nh nhau. V y bài n y quý v nào trong hàng t i gia đ c ph c báo th đ ng thì cũng nên tuân theo l i Phật đ y đ hành trì đúng nh pháp; n u không thông thu c, nên y ch ch Tăng.